TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/DS-ST
Ngày: 12 - 6 - 2024

"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Công Quốc**
Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Ông **Trần Văn Sơn**
2. Ông **Nguyễn Tuấn Ngọc**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Vũ Thị Bích Hậu –** Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Trịnh Ngọc Thùy Trang**

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-DS ngày 20/5/2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Lâm Thị Hiền N,** sinh năm 1991; Trú tại: xx phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng; Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Trương Thị Ngọc K,** sinh năm 1997; Địa chỉ liên hệ: XX phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (*Theo văn bản ủy quyền ngày 15/3/2024*). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kiều D** – Luật sư Văn phòng Luật sư K thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

* *Bị đơn:* Ông **Ngô Đức C**, sinh năm 1973 và bà **Ngô Thị O,** sinh năm 1987; Cùng trú tại: XZ đường T, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Bà O có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Đức C: Ông **Trương Đình B**– sinh năm 1958; Trú tại: đường Đ, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Do có quan hệ quen biết nên vào ngày 17/11/2020 bà Lâm Thị Hiền N có cho vợ chồng ông Ngô Đức C và bà Ngô Thị O vay số tiền 800.000.0000đ, thời hạn vay là 02 năm, các bên có lập Giấy vay tiền đề ngày 17/11/2020. Tuy nhiên khi hết thời hạn hai năm, mặc dù bà N đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng vợ chồng ông C, bà O không trả. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C, bà O phải trả số tiền gốc là 800.000.000đ và tính lãi theo mức 10%/năm kể từ ngày 18/11/2022 lãi suất tính đến ngày xét xử hôm nay – 12/6/2024 là 125.369.863đ.

* Tại đơn trình bày ngày 04/4/2024, bị đơn là bà Ngô Thị O xác nhận vợ chồng bà có vay mượn bà Lâm Thị Hiền N số tiền theo giấy vay tiền là 800.000.000đ nhưng do điều kiện làm ăn khó khăn nên chưa trả tiền cho bà N.

* Tại biên bản hòa giải ngày 10/5/2024 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Ngô Đức C là ông Trương Đình B xác định phía bị đơn có ký Giấy vay tiền ngày 17/11/2020 với số tiền vay là 800.000.000đ đúng như nguyên đơn khởi kiện. Tuy nhiên người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Ngô Đức C cho rằng đối với số tiền vay này thì ông C, bà O đã chuyển trả nhiều lần với tổng số tiền đã trả là khoảng 400.000.000đ.

* Ngày 24/5/2024 ông Ngô Đức C và bà Ngô Thị O có "*Đơn phản tố*" cho rằng khi vay tiền các bên có thỏa thuận miệng là không tính lãi suất đối với số tiền vay 800.000.000đ, vợ chồng ông bà trả dần cho bà N mỗi tháng 16.000.000đ. Đổi lại vợ chồng ông C, bà O cho bà N thuê lại ngôi nhà tại 32 đường Mỹ An 14, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Nay bà N khởi kiện đối với số tiền gốc 800.000.000đ và lãi xuất 10%/tháng mà không trừ số tiền vợ chồng ông bà đã trả tổng cộng là 476.000.000đ là không thỏa đáng. Do đó vợ chồng ông C, bà O đề nghị Tòa án công nhận số tiền gốc vợ chồng ông bà đã trả là 476.000.000đ. Sau khi trừ đi số tiền này, vợ chồng ông bà còn nợ bà N số tiền 324.000.000đ tiền gốc. Ngoài ra vợ chồng ông C, bà O đề nghị Tòa án buộc bà Lâm Thị Hiền N phải trả tiền thuê nhà theo đơn giá 10.000.000đ/tháng x 3 năm = 360.000.000đ.

Tại phiên tòa, bà O và người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Đức C thống nhất xác định không phản tố đối với tiền thuê nhà nhưng đề nghị tính trừ số tiền vợ chồng ông C, bà O đã trả cho bà Lâm Thị Hiền N vào số tiền nợ gốc vì hợp đồng này các bên không thỏa thuận về lãi suất. Về số tiền đã trả, căn cứ sao kê từ Ngân hàng do bị đơn cung cấp chỉ thể hiện số tiền đã chuyển là 327.000.000đ chứ không phải 476.000.000đ như bị đơn trình bày. Ngoài tập sao kê đã nộp, bị đơn không cung cấp thêm chứng cứ gì chứng minh cho số tiền 476.000.000đ đã chuyển.

Tranh tụng tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn khẳng định mặc dù tại Giấy vay tiền ngày 17/11/2020 các bên chỉ ghi số tiền vay và thời hạn vay, không ghi lãi suất, tuy nhiên các bên đã ngầm thỏa thuận về lãi suất, theo đó mỗi tháng vợ chồng ông C, bà O trả cho bà N số tiền 16.000.000đ. Thực tế trong hai năm của Hợp đồng vay từ 17/11/2020 đến 17/11/2022 vợ chồng ông C, bà O đã trả cho bà N 250.000.000đ (mỗi tháng trả từ 5.000.000đ đến 16.000.000đ). Từ ngày 18/11/2022 đến nay vợ chồng ông C, bà O có trả thêm cho bà N số tiền 77.000.000đ. Tổng số tiền lãi đến nay bà N đã nhận là 327.000.000đ. Tuy nhiên, với nguyện vọng được trả lại số tiền nợ gốc đã cho vay, tại phiên tòa bà Lâm Thị Hiền N chỉ đề nghị ông C, bà O phải trả nợ gốc là 800.000.000đ, không yêu cầu về lãi suất.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án như sau:*

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, quá trình giải quyết vụ án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho các bên đương sự, nguyên đơn, bị đơn đều đã có ý kiến về vụ án và tại phiên tòa đều có mặt để thực hiện quyền tranh tụng của mình. Do đó phần thủ tục tố tụng là đảm bảo.

Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án, bà Ngô Thị O và người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Đức C thừa nhận việc viết giấy vay của bà Lâm Thị Hiền N số tiền 800.000.000đ vào ngày 17/11/2020. Do vậy, việc vay mượn tiền giữa bà N và ông C, bà O là có thật. Theo trình bày của bà N, vợ chồng ông C chưa thanh toán số nợ trên cho bà. Bà O, đại diện theo ủy quyền của ông C cho rằng đã thanh toán số tiền gốc 476.000.000đ cho bà N bằng hình thức chuyển khoản và chỉ còn nợ lại số tiền 324.000.000đ. Tuy nhiên, Bà O, đại diện theo ủy quyền của ông C chỉ cung cấp được sao kê ngân hàng chứng minh đã chuyển cho bà N số tiền 327.000.000đ và không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc số tiền ông bà đã chuyển cho bà N là để thanh toán cho khoản nợ gốc ngày 17/11/2020; lời khai của bị đơn cũng không phù hợp với nội dung tin nhắn giữa hai bên được thể hiện tại hồ sơ. Đồng thời, mức lãi suất của số tiền mà bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc cấn trừ số tiền đã chuyển khoản vào nợ gốc; Đối với yêu cầu về lãi suất, nguyên đơn xin rút nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu, yêu cầu của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về các vấn đề của vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn Ngô Đức C, Ngô Thị O cư trú tại XZ đường T, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, gửi đầy đủ các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Nguyên đơn, bị đơn đều đã được công khai chứng cứ và có mặt tại phiên tòa để thực hiện quyền tranh tụng của mình. Do đó phần thủ tục là đảm bảo.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

[2.1] Căn cứ Giấy vay tiền lập ngày 17/11/2020 và sự trình bày, xác nhận giữa các bên đương sự thể hiện giao dịch vay tiền giữa bên cho vay là bà Lâm Thị Hiền N với bên vay là ông Ngô Đức C và bà Ngô Thị O được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo về chủ thể, nội dung giao dịch không trái với quy định của Bộ luật dân sự, do đó làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Tại đơn trình bày ngày 04/4/2024 bị đơn Ngô Thị O xác nhận vợ chồng bà có vay của bà Lâm Thị Hiền N số tiền 800.000.000đ nhưng do điều

kiện kinh tế gặp khó khăn nên chưa trả được khoản nợ. Tại văn bản phản hồi gửi đến Tòa án vào ngày 24/5/2024, vợ chồng ông C, bà O xác định đã trả cho bà N số tiền 476.000.000đ và đề nghị được trừ vào tiền nợ gốc. Qua chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa, bị đơn chấp nhận số tiền đã trả là 327.000.000đ và đề nghị xác định số tiền này là tiền đã trả nợ gốc cho bà N.

[2.2] Như vậy, quan hệ vay tài sản theo Giấy vay tiền ngày 17/11/2020 giữa ông Ngô Đức C, bà Ngô Thị O với bà Lâm Thị Hiền N đã được các bên thực hiện trên thực tế. Bà N đã chuyển cho ông C, bà O số tiền vay là 800.000.000đ đồng thời ông C, bà O đã trả lại cho bà N số tiền 327.000.000đ. Trong đó có 250.000.000đ được trả trong hạn 02 năm của hợp đồng vay, 77.000.000đ được trả sau khi hợp đồng vay đã quá thời hạn hai năm.

[2.3] Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Lâm Thị Hiền N xác định việc vay mượn được các bên lập thành Hợp đồng không ghi lãi suất tuy nhiên trên thực tế, hàng tháng bà O, ông C có trả tiền lãi cho bà N. Số tiền không đều, từ 5.000.000đ đến 16.000.000đ, bản chất là các bên ngầm thỏa thuận với nhau về vấn đề lãi suất. Nội dung này phù hợp với tài liệu sao kê Ngân hàng do bị đơn cung cấp, phù hợp với nội dung tin nhắn được các bên thừa nhận tại phiên tòa "*tiền lãi chị trả mà em nghĩ sao vậy em*"; "*lãi chị trả đến tháng 8/2023 rồi*".

[2.4] Do đó Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định, giao dịch vay tiền được xác lập giữa bên cho vay là bà Lâm Thị Hiền N với bên vay là ông Ngô Đức C, bà Ngô Thị O theo Giấy vay tiền ngày 17/11/2020 tuy không ghi lãi suất nhưng các bên đã ngầm thỏa thuận về việc ông C, bà O phải trả lãi hàng tháng. Số tiền 327.000.000đ vợ chồng ông C, bà O đã trả cho bà N là trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian vay. Trong đó từ ngày 17/11/2020 đến ngày 17/11/2022 vợ chồng ông C, bà O trả cho bà N 250.000.000đ, tương ứng với mức lãi suất là 15,63%/năm; Từ ngày 18/11/2022 đến 18/11/2023 trả 77.000.000đ, tương ứng mức lãi suất là 9,6%/năm. Việc cho vay, thỏa thuận và thực hiện trả lãi như trên là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến nay, bên vay là ông C, bà O đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, khoản vay đã quá hạn. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Hiền N về việc đề nghị ông Ngô Đức C, bà Ngô Thị O phải trả số tiền nợ gốc là 800.000.000đ. Không có căn cứ để chấp nhận đề nghị của bà O, ông C về việc tính trừ số tiền đã trả vào phần nợ gốc.

[2.5] Đối với vấn đề lãi suất, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn không tiếp tục yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đối với nội dung phản tố của bị đơn đề nghị thanh toán số tiền thuê nhà là 360.000.000đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi thụ lý, Tòa án đã gửi đầy đủ văn bản tố tụng cho bị đơn đồng thời đã tổ chức ba phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng trong hai phiên, phiên gần nhất vào ngày 10/5/2024 chỉ có đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Đức C tham gia. Ngày 20/5/2024 Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì ngày 24/5/2024 bị đơn có đơn

phản tố. Do đó căn cứ khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn cũng không tiếp tục đề cập về nội dung này. Quan hệ Hợp đồng thuê nhà giữa các bên sau này nếu có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[4] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Theo đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản buộc phải trả cho nguyên đơn.

[5] Về quyền kháng cáo: Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn được thực hiện theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 271; Điều 273; Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 275; Điều 280; Điều 357; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Hiền N đối với yêu cầu về trả tiền lãi.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Hiền N về việc đề nghị ông Ngô Đức C và bà Ngô Thị O phải trả tiền nợ gốc.

* Xử:

1/ Buộc ông Ngô Đức C và bà Ngô Thị O phải trả cho bà Lâm Thị Hiền N số tiền nợ là 800.000.000đ (*Tám trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí: Bà Lâm Thị Hiền Nhi không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Lâm Thị Hiền N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 19.563.000đ (*Mười chín triệu năm trăm sáu mươi ba ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001645 ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Buộc bà Ngô Thị O và ông Ngô Đức C phải chịu 36.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND quận Ngũ Hành Sơn;*
- *Đương sự;*
- *Chi cục THADS Q.NHS;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Đoàn Công Quốc